TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/DS-PT
Ngày: 06/01/2021

"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thị Hải Dương
Các Thẩm phán: Ông Trần Đức Long
Ông Trần Hữu Sỹ

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Toà án nhân dân huyện Minh Hóa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1912/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Minh L, sinh năm: 1966
Địa chỉ: Thôn 4 Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trương Minh Đ, sinh năm: 1963
Địa chỉ: Thôn 4 Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bắc V, Chủ tịch UBND huyện M.

Người đại diện theo uỷ M, có mặt.

- Ủy ban nhân dân xã T; Địa chỉ: xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên toà lần 2.

- Bà Trương Thị H; Địa chỉ: Thôn 4 Yên Thọ, xã Tân Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, uỷ quyền cho ông Đinh Minh L tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 04/6/2020).

Ngoài ra trong án sơ thẩm có các người làm chứng nhưng không liên quan đến kháng cáo của bị đơn nên Toà án không triệu tập đến phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đinh Minh L trình bày: Ông L, bà H được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/12/2008 thửa đất số 61, tờ bản đồ 27 có diện tích 28.982m^2, địa chỉ thửa đất tại đồi C, thôn 5 Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Quá trình sử dụng đã bị ông Trương Minh Đ lấn chiếm khoảng hơn 3.952m^2, ông L đã có nhiều lần gặp ông Đ nói chuyện về việc lấn chiếm nhưng ông Đ vẫn không trả lại đất cho ông L, ông cũng đề nghị UBND xã T giải quyết nhưng không được. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đ trả lại diện tích đã lấn chiếm của ông L.

Bị đơn ông Trương Minh Đ trình bày: Đất mà ông L đề nghị ông trả lại là đất của ông Đ khai Hng phục hóa từ năm 1977 cho đến nay. Từ khi khai Hng cho đến nay ông chủ yếu làm nông nghiệp. Năm 2007, khi nhà nước có chủ trương giao rừng cho dân bảo vệ thì UBND xã T có gặp ông và nói đất của ông đến đâu thì chốt ngay chỗ đó, số rừng còn lại UBND xã sẽ chia cho dân. Năm 2008, UBND xã có thông báo ai có đất riêng thì được lập danh sách để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến khi ông Đ đi đăng ký thì ông L là trưởng thôn nói là gia đình ông Đ không được đăng ký nên ông Đ không được UBND huyện M cấp đất tại vị trí mà ông Đ khai hoang phục hóa. Việc ông L khởi kiện ông về việc ông lấn chiếm đất của ông L là không đúng.

Quá trình giải quyết vụ án và hòa giải ông L cũng thừa nhận ông Đ có khai hoang phục hóa tại vùng đất có tranh chấp, nhưng là phần dưới đất bằng để trồng mè, lạc, đậu còn phần chân đồi đã lấn vào đất của ông L.

Ngày 07/11/2019, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, kết quả diện tích đất mà ông Đ lấn chiếm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L là 4.069m^2 theo, trong đó khu vực đất ông Đ trình bày khai hoang, sử dụng từ năm 1977 được ông L thừa nhận có diện tích 2.240m^2, phần còn lại ở chân đồi có diện tích 1.829m^2.

Tòa án đã tiến hành xác minh về nguồn gốc đất của ông Đ, qua các lời khai của người làm chứng:

- Ông Trương Sơn B, nguyên là Chủ tịch UBND xã T nhiệm kỳ 1994-2004: Đất của ông Trương Minh Đ hiện tại đang có tranh chấp là do chính ông khai hoang phục hoá, thời điểm khai hoang ông không rõ vào năm nào.

- Ông Cao Văn D nguyên Chủ tịch UBND xã T nhiệm kỳ 2005-2010: Thời gian đó việc quản lý đất đai do ông Cao Văn B là Phó Chủ tịch UBND xã và ông Thái Xuân Đ cán bộ nông lâm phụ trách nên ông không rõ việc ông Đ sử dụng đất như thế nào.

- Ông Cao Văn B, nguyên Phó Chủ tịch UBND xã T nhiệm kỳ 2005-2010: Tại thửa đất tranh chấp giữa ông L và ông Đ thì diện tích mà ông Trương Minh Đ đã khai hoang phục hoá trước năm 2004 khoảng 1.500m^2 đến 2.000m^2 vùng đất bằng sát chân đồi. UBND xã T biết, vẫn để cho ông Đ sản xuất nhưng

không giao đất cho ông Đ. Năm 2008, khi UBND xã có chủ trương giao đất cho các hộ dân trong đó có hộ ông L do không rà soát kỹ nên khi trình lên UBND huyện M nên có cấp chồng lên phần diện tích ông Đ khai hoang.

- Ông Thái Xuân Đ, nguyên cán bộ nông lâm UBND xã T: Đất của ông Trương Minh Đ khai hoang phục hoá là vùng đất bằng dưới chân đồi còn phần gần chân đồi thì không được khai hoang vì đây là rừng phòng hộ. Việc ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như thế nào thì ông không rõ.

UBND xã T trình bày ông Đinh Minh L có đăng ký đất đai vùng đất đang tranh chấp tại UBND xã T nhưng do lũ lụt nên sổ địa chính đã không còn, chỉ lưu trên bản đồ số.

Phòng tài nguyên và môi trường huyện M có Công văn trả lời việc cấp đất của hộ ông Đinh Minh L, bà Trương Thị H là đúng quy định của pháp luật và cung cấp cho Toà án hồ sơ cấp đất của ông Đinh Minh L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Minh L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Trương Minh Đ.

2. Buộc ông Trương Minh Đ phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 1.829 m^2 tại tờ bản đồ số 27, thửa đất số 61 cho ông Đinh Minh L, cụ thể: Cạnh 3 đến 4 phía Nam có chiều dài 76,67 m giáp đất của ông L, cạnh 4 đến 5 phía Tây có chiều dài 54,68 m giáp đất ông Trương Xuân Duề, cạnh 5 đến 6 phía Bắc có chiều dài 54,68 m giáp đất ông L, cạnh 6 đến 7 phía Bắc có chiều dài 16,60 m giáp đất ông L, cạnh 7 đến 3 phía Bắc có chiều dài 37,08 m giáp đất ông L (có sơ đồ kèm theo).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Minh L phần diện tích 2.240 m^2.

4. Buộc ông Đinh Minh L phải trả tiền giá trị cây trồng cho ông Trương Minh Đ số tiền 2.300.000 đồng. Ông Đinh Minh L được sở hữu số cây keo khoảng dưới 01 năm tuổi của ông Đ.

5. Đề nghị UBND huyện M điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đinh Minh L, bà Trương Thị H thửa đất số 61, tờ bản đồ số 27 với diện tích 28.982 m^2, địa chỉ thửa đất: Đồi C, thôn 5 Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Diện tích đất 28.982 m^2 của ông Đinh Minh L, bà Trương Thị H được trừ đi phần diện tích đất của ông Trương Minh Đ là 2.240 m^2.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 04/9/2020 bị đơn ông Trương Minh Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm vì ông không lấn chiếm đất của ai cả, yêu cầu ông L phải trả lại đất cho ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện dúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Minh Hoá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết: Tòa án sơ thẩm đã xem xét, xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện các hoạt động tố tụng đúng theo luật định.

2. Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Trương Minh Đ đề nghị Toà án buộc ông L trả lại đất cho ông vì đất đang tranh chấp có nguồn gốc ông khai hoang từ năm 1977 nhưng nhà nước lại cấp cho ông L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 721513 ngày 10/12/2008, ông Đinh Minh L và bà Nguyễn Thị H được cấp 28.982m^2 đất rừng sản xuất tại khu vực C, thôn 5 Y, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình, thửa 61, tờ bản đồ 27. Theo kết quả xem xét tại chỗ của Toà án nhân dân huyện M thì ông Đ đang sử dụng 4.069m^2 nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông L, bà H, trong đó có 2.240m^2 (Đất bằng dưới chân đồi) ông L thừa nhận là do ông Đ khai hoang trước thời điểm ông L được cấp giấy chứng nhận và 1.829m^2 (vùng đất dốc sát chân đồi) là ông Đ sử dụng sau khi ông L được cấp giấy chứng nhận. Ông Đ cũng thừa nhận năm 2015 ông phát lên chân đồi bị UBND xã xử lý không cho trồng cây nhưng vì sự quản lý lỏng lẻo nên ông vẫn tiếp tục trồng. Lời thừa nhận của ông Đ phù hợp với lời trình bày của ông Thái Xuân Đ nguyên cán bộ phụ trách nông lâm xã T khu vực dốc sát chân đồi là rừng phòng hộ không phải đất khai hoang, không được sản xuất. Phần diện tích 1.829m^2 ông Đ sử dụng sau khi ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải đất ông sử dụng từ năm 1977. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên toà cho thấy, UBND huyện M khi cấp đất cho ông L, bà H đã cấp chồng lên phần diện tích trước đó ông Đ đã khai hoang, sử dụng 2.240m^2 và ông Đ đã sử dụng 1.829m^2 vùng đất dốc sát chân đồi sau khi ông L được cấp giấy chứng nhận. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L buộc ông Đ phải trả lại 1.829m^2 theo sơ đồ từ điểm 4 đến điểm 5 đến điểm 6 đến điểm 7 đến điểm 3 đến điểm 4 và buộc UBND huyện M phải điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 721513 phù hợp với hiện trạng sử dụng đất trước khi cấp giấy chứng nhận, cụ thể giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L chỉ còn 28.982m^2 – 2.240m^2 = 26.742m^2 là có căn cứ. Kháng cáo của ông Đ buộc ông L trả lại đất là không có căn cứ chấp nhận.

3. Về án phí: Kháng cáo của ông Trương Minh Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Đ là người cao tuổi nên đươc miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 và Điều 189 của Bộ luật Dân sự; Điều 50, Điều 105 Luật đất đai năm 2003; Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Minh Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

2. Về án phí: Ông Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Trương Minh Đ số tiền 300.000 đồng ông đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004350 ngày 07/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (06/01/2021)

Nơi nhận*:*
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương